TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2022/DS-PT
Ngày: 12 - 12 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương B, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 392, đường L, khóm B, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Vĩnh K, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 175/6, đường N, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/6/2018). (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị Trúc L, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 10, ấp V, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn Y, sinh năm 1955 (đã chết ngày 01/7/2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Yến:

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1940 (vắng mặt).

- Ông Trần Công P, sinh năm 1975 (vắng mặt).

- Ông Trần Văn T (Thanh T), sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Trần Thị Ơ; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1940 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Em Trần Phú H, sinh năm 2004; địa chỉ: Số 10, ấp V, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương B là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 7 năm 2018 của nguyên đơn ông Trương B, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Trần Vĩnh K trình bày:

Ông Trương B và ông Trần Văn X có mối quan hệ làm ăn qua lại với nhau nhiều năm, chủ yếu là mua bán thức ăn nuôi tôm (ông B bán và ông X mua) và có quan hệ mua bán đất với nhau (có khi ông X bán và ông B mua, cũng có khi ông B bán và ông X mua). Vào ngày 05 tháng 11 năm 2008, thời điểm này ông X bị bệnh nên có gặp ông B hỏi vay 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), lúc đi vay còn có bà Lâm Thị Trúc L (là vợ ông X) cùng đi. Khi vay, có làm Biên nhận, không ghi thời gian thanh toán trong biên nhận nhưng có nói rõ là cho vay tạm khoảng 01 tháng thì trả và không tính lãi. Ông X tự viết Biên nhận có nội dung là "ông X có nhận của Hia Bình số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm chục triệu đồng)". Biên nhận ngày 05/11/2008, do chính ông X viết vào đúng ngày ghi trong Biên nhận và Biên nhận này viết tại nhà của ông B trong tình trạng hoàn toàn tỉnh táo, tinh thần còn minh mẫn, sau khi viết Biên nhận, ông X nhận trực tiếp tiền do ông B đưa và giao cho ông B giữ Biên nhận đó. Dấu vết sửa số "8" tại năm ghi biên nhận là do chính ông X đồ lại chứ không phải sửa chữa sau. Sau khi ông X mất, ông B có gặp bà L yêu cầu thanh toán số tiền nêu trên nhưng bà L chỉ hứa hẹn mà không trả.

Ông K khẳng định đây là chữ viết và chữ ký của ông X, đồng thời không yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông X trong "Biên nhận" này; do đó, nếu bà L không đồng ý chữ ký, chữ viết của ông X thì bà L phải tự chứng minh là không phải, đây không phải là nghĩa vụ nguyên đơn phải chứng minh. Ngoài ra, thời gian nhập viện tại Bệnh viện Ung Bướu thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 23/9/2008 đến ngày 09/11/2008 nhưng giấy chuyển viện của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng chuyển đến Bệnh viện Ung Bướu thành phố Hồ Chí Minh là vào ngày 26/9/2008 do bà L cung cấp là không trùng khớp thời gian (chuyển viện

sau ngày nhập viện), do đó việc ông X nhập viện và xuất viện tại Bệnh viện Ung Bướu thành phố Hồ Chí Minh là không đúng, đồng thời Ông K cho rằng tại Công văn trả lời của Bệnh viện Ung Bướu thành phố Hồ Chí Minh có nói "chưa điều trị đặc hiệu" có nghĩa là ông X chưa điều trị, còn khỏe nên cũng có thể trong thời gian nhập viện, ông X có thể xuất viện về Sóc Trăng là việc bình thường.

Nay, Ông K yêu cầu bà L thanh toán cho ông B toàn bộ số tiền nêu trên là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn Lâm Thị Trúc L trình bày*: Bà không thừa nhận việc ông B cho rằng vợ chồng bà đến nhà ông B vay tiền vào ngày 05 tháng 11 năm 2008. Chồng bà là ông X bị bệnh nặng, đã nhập viện tại Bệnh viện Ung Bướu thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 26/9/2008 đến ngày 09/11/2008 mới xuất viện. Trong thời gian nằm viện, ông X bệnh rất nặng phải nằm liệt một chỗ và bà là người trực tiếp chăm sóc chồng tại Bệnh viện. Sau khi xuất viện về nhà được 02 ngày thì đến ngày 13/11/2008 ông X chết. Đồng thời, Biên nhận đề ngày 05/11/2008 do ông B nộp cho Tòa án không phải là chữ viết và chữ ký của ông X.

Trước đây, bà còn không biết ông B là ai cho đến khi ông X chết thì có một số việc liên quan đến việc làm ăn của ông X cần giải quyết nên bà mới biết ông B; việc ông B cho rằng bà và ông X trực tiếp gặp mặt ông B để vay tiền là không có, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Y, bà Nguyễn Thị Đ và em Trần Phú H*: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của ông B nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 30/6/2021, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương B đối với bị đơn bà Lâm Thị Trúc L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với số tiền là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/02/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông K không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng tại Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng xác định đúng là chữ ký tên và chữ viết của ông X trong Biên nhận ngày 05/11/2008, nên có căn cứ chứng minh ông X có vay của ông B số tiền 450.000.000 đồng, việc ông X vay tiền của ông B là trong thời kỳ hôn nhân với bà L. Do đó, đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L có trách nhiệm trả cho ông B số tiền đã vay là 450.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Các đương sự không có sự thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông B và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn ông Trương B vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; bị đơn bà Lâm Thị Trúc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Yến là bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Công P, ông Trần Văn T (Thanh T), bà Trần Thị Ơ và em Trần Phú H đều vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Ông Trần Văn Y chết ngày 01/7/2022, nên Tòa án đưa vợ và các con của ông Yến vào tham gia tố tụng với tư cách kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Yến theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/4/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu giám định chữ ký tên và chữ viết của ông X trong Biên nhận ngày 05-11-2008, được Tòa án chấp nhận và tiến hành trưng cầu giám định chữ ký tên và chữ viết của ông X theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 97 và khoản 2 Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L có trách nhiệm trả cho ông B số tiền đã vay là 450.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ và hợp pháp, người đại diện theo ủy quyền của ông B có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký tên và chữ viết của ông X trong Biên ngận ngày 05-11-2008. Tại Kết luận giám định số 250/KLGĐTL-KTHS, ngày 20/7/2022 kết luận: Chữ ký tên và chữ viết trong Biên nhận "Tôi Trần Văn X có nhận của hia Bình 450.000.000^{đ}.00 (Bốn trăm năm chục triệu) Sóc Trăng 05-11-2008 người nhận (ký tên) Đỉnh", tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của ông Trần Văn X dưới mục "BÊN THẾ CHẤP" trên HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Số 28/08/HĐ/14/677535 ngày 29/01/2008, tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M) do cùng một người ký và viết ra. Đối với HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Số 28/08/HĐ/14/677535 ngày 29/01/2008 dùng làm mẫu so sánh có chữ ký và đóng dấu của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sóc Trăng, là đảm bảo để làm mẫu so sánh giám định. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông X có vay của ông B số tiền 450.000.000 đồng. Tuy nhiên, trên Biên nhận vay tiền ngày 05-11-2008 không có chữ ký của bà L, nguyên đơn không chứng minh được bà L cùng với ông X vay tiền của ông B và cũng không chứng minh được bà L có ủy quyền cho ông X để vay tiền của ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời, nguyên đơn không chứng minh được việc ông X vay tiền là nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; nên không có căn cứ xác định nghĩa vụ liên đới của bà L trong vụ án này. Mặt khác, việc nguyên đơn khởi kiện là sau khi ông X đã chết, lẽ ra nguyên đơn phải khởi kiện vụ án tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì bà L không có nghĩa vụ liên đới trong vụ án này.

[6] Từ những nhận định tại mục [5] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu. Tuy nhiên, ông B có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định như nhận định tại mục [5] nêu trên.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội. Tuy nhiên, ông B sinh năm 1962 là người cao tuổi, nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về chi phí giám định: Tổng chi phí số tiền 1.530.000 đồng. Do yêu cầu giám định chữ ký tên và chữa viết của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có căn cứ, nên bà L phải chịu. Do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp tạm ứng trước, nên bà L có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn số tiền này theo quy định tại khoản 2 Điều 161 và khoản 1 Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông B và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 161 và khoản 1 Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương B.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương B về việc yêu cầu bà Lâm Thị Trúc L trả cho ông số tiền đã vay là 450.000.000 đồng (bốn trăn năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trương B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) theo Biên lai thu số 0003894 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương B được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí giám định: Bà Lâm Thị Trúc L phải chịu số tiền 1.530.000 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng). Do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Vĩnh K nộp tạm ứng trước, nên bà Lâm Thị Trúc L có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho ông Trần Vĩnh K số tiền 1.530.000 đồng (Một triệu năm trăm bà mươi nghìn đồng).

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn